

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**



Số: 932 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2015, từ trang 5 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, số dư khoản mục "Các khoản phải thu khác" tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm khoản phải thu từ 02 tổ trưởng đội xây dựng đã chết với số tiền khoảng 4,77 tỷ VND. Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu nêu trên, dẫn đến khoản mục "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và khoản mục "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 bị phản ánh thấp hơn thực tế với cùng một số tiền khoảng 4,77 tỷ VND.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm 2014, Công ty đã tạm kết chuyển doanh thu và giá vốn theo tỷ lệ lãi gộp dự toán. Nếu ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành và tỷ lệ lãi gộp thực tế thì khoản mục "Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp" và "Lỗ kế toán trước thuế" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 sẽ tăng 9,1 tỷ VND, đồng thời khoản mục "Hàng tồn kho" trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ giảm với số tiền tương ứng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, một số công trình do Công ty thi công xây lắp (không bao gồm các công trình Công ty khoán cho các tổ, đội trực thuộc Công ty thi công) có số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (tài khoản 154) lớn hơn doanh thu có thể thu được trong tương lai với số tiền khoảng 12,8 tỷ VND. Tuy nhiên, Công ty chưa ghi nhận dự phòng giảm giá hàng tồn kho liên quan đến phần chi phí sản xuất kinh doanh dở dang lớn hơn doanh thu có thể thu hồi trong tương lai nói trên vào báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Việc chưa ghi nhận dự phòng giảm giá hàng tồn kho dẫn đến khoản mục “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và khoản mục “Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 bị phản ánh thấp hơn thực tế với cùng một số tiền khoảng 12,8 tỷ VND.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty chưa ghi nhận khoản phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp với số tiền khoảng 1,2 tỷ VND theo thông báo của Cơ quan Bảo hiểm Xã hội tỉnh Thanh Hóa dẫn đến khoản mục “Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và khoản mục “Chi phí khác” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 bị phản ánh thấp hơn thực tế với cùng một số tiền khoảng 1,2 tỷ VND.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, năm 2014, Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các khoản phân bổ chi phí lương của bộ phận gián tiếp, chi phí nhân công thuê ngoài và các chi phí phát sinh liên quan đến sửa chữa, bảo hành đối với công trình đã hoàn thành từ các năm trước đang chờ quyết toán với số tiền khoảng 4 tỷ VND. Các chi phí này phát sinh sau khi công trình đã hoàn thành, chờ quyết toán công trình nên chúng tôi không có cơ sở để đánh giá việc ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là hợp lý hay không. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế và theo đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại phần “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Báo cáo tài chính kèm theo được lập với giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có khoản lỗ lũy kế khoảng 16,8 tỷ VND và chênh lệch thanh khoản thuần âm với số tiền khoảng 183 tỷ VND, đồng thời lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm 2014 của Công ty âm với số tiền khoảng 12,7 tỷ VND. Các yếu tố này dẫn đến quan ngại về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Các kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc liên quan tới vấn đề này cũng được trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Vũ Đức Nguyễn

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 30 tháng 3 năm 2015

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thanh Hương

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
1415-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		619.036.097.443	623.090.143.328
I. Tiền	110	5	4.845.436.053	4.824.656.196
1. Tiền	111		4.845.436.053	4.824.656.196
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		348.155.453.184	393.416.992.325
1. Phải thu khách hàng	131	6	315.200.394.547	355.940.909.268
2. Trả trước cho người bán	132	7	15.104.195.098	18.776.599.684
3. Các khoản phải thu khác	135	8	32.506.830.462	31.286.029.649
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(14.755.966.923)	(12.586.546.276)
III. Hàng tồn kho	140	9	264.519.413.220	222.773.268.734
1. Hàng tồn kho	141		264.942.124.297	223.195.979.811
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(422.711.077)	(422.711.077)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.515.794.986	2.075.226.073
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		218.196.956	218.196.957
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.297.598.030	1.857.029.116
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		25.235.673.987	31.202.509.842
I. Tài sản cố định	220		22.738.285.291	28.371.046.085
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	22.738.285.291	28.371.046.085
- Nguyên giá	222		89.394.943.583	90.166.904.990
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(66.656.658.292)	(61.795.858.905)
II. Tài sản dài hạn khác	260		2.497.388.696	2.831.463.757
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.497.388.696	2.831.463.757
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		644.271.771.430	654.292.653.170

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		575.497.448.565	563.486.170.317
I. Nợ ngắn hạn	310		505.340.132.408	558.650.346.708
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	291.532.176.965	344.105.664.605
2. Phải trả người bán	312	12	123.101.025.192	79.768.384.674
3. Người mua trả tiền trước	313	13	21.653.200.554	51.705.231.917
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	17.814.726.642	22.938.970.740
5. Phải trả người lao động	315		5.443.549.400	10.412.598.400
6. Chi phí phải trả	316	15	10.430.582.227	12.890.562.461
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	33.313.376.641	34.447.802.281
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.051.494.787	2.381.131.630
II. Nợ dài hạn	330		70.157.316.157	4.835.823.609
1. Vay và nợ dài hạn	334	17	69.248.225.248	3.926.732.700
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		909.090.909	909.090.909
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		68.774.322.865	90.806.482.853
I. Vốn chủ sở hữu	410		68.774.322.865	90.806.482.853
1. Vốn điều lệ	411	18	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	18	9.828.000.000	9.828.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	18	6.092.053.115	6.092.053.115
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	18	17.730.177.284	17.730.177.284
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	18	1.942.262.875	1.942.262.875
6. (Lỗ lũy kế)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	18	(16.818.170.409)	5.213.989.579
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		644.271.771.430	654.292.653.170

Tas

Ma



Trần Thị Kim Oanh
 Người lập biểu

Mai Văn Sơn
 Kế toán trưởng

Ngô Hải An
 Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	293.293.109.832	412.291.997.804
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		293.293.109.832	412.291.997.804
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	250.143.001.517	367.447.605.108
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		43.150.108.315	44.844.392.696
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	58.595.867	1.769.390.863
7. Chi phí tài chính	22		47.693.890.359	34.088.214.038
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		46.496.520.966	34.088.214.038
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.464.059.493	12.588.141.912
9. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		(17.949.245.670)	(62.572.391)
10. Thu nhập khác	31		809.609.435	3.628.459.450
11. Chi phí khác	32		95.733.135	200.659.279
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	23	713.876.300	3.427.800.171
13. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(17.235.369.370)	3.365.227.780
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	-	881.466.652
15. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(17.235.369.370)	2.483.761.128
16. (Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	(3.447)	497

Trần Thị Kim Oanh

Trần Thị Kim Oanh
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2015

Mai Văn Sơn

Mai Văn Sơn
Kế toán trưởng



Ngô Hải An
Ngô Hải An
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	01	(17.235.369.370)	3.365.227.780
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	6.394.518.368	7.839.188.845
Các khoản dự phòng	03	2.169.420.647	621.004.875
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(762.540.431)	(2.700.127.024)
Chi phí lãi vay	06	46.496.520.966	34.088.214.038
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	37.062.550.180	43.213.508.514
Thay đổi các khoản phải thu	09	42.888.668.963	(93.978.572.007)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(41.746.144.486)	77.684.479.806
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(5.367.715.561)	12.351.555.440
Thay đổi chi phí trả trước	12	334.075.061	1.414.830.336
Tiền lãi vay đã trả	13	(46.310.767.561)	(34.084.520.443)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(2.926.483.174)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	735.836.152	815.351.800
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(370.328.838)	(2.431.331.154)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(12.773.826.090)	2.058.819.118
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(715.939.392)	(852.960.000)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	703.944.564	935.000.000
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	5.100.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	58.595.867	260.730.978
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	46.601.039	5.442.770.978
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	208.304.394.566	259.943.054.331
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(195.556.389.658)	(263.617.709.211)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	-	(5.858.146.650)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	12.748.004.908	(9.532.801.530)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	20.779.857	(2.031.211.434)
Tiền đầu năm	60	4.824.656.196	6.855.867.630
Tiền cuối năm	70	4.845.436.053	4.824.656.196

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền lãi vay đã trả bao gồm lãi dự trả trong năm 2013 đã trả trong năm 2014 với số tiền 621.534.595 VND và không bao gồm lãi dự tính trong năm 2014 với số tiền 807.288.000 VND. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông không bao gồm cổ tức đã thông báo chia trong các năm trước và năm 2014 nhưng chưa trả cho các cổ đông với số tiền là 5.121.850.350 VND. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Trần Thị Kim Oanh
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2015



Mai Văn Sơn
Kế toán trưởng



Ngô Hải An
Tổng Giám đốc